

Bản án số: 09/2023/HS-ST

Ngày: 10/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nghiệp Hồng;

2. Ông Lâm Huỳnh Đệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại Phòng xử A trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/HSST-QĐ ngày 23/12/2022, số 01/2023/HSST-QĐ ngày 10/01/2023, đối với bị cáo:

Trương Xuân A; sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: C54 đường X, Phường 13, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 38A đường L, Phường M, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Khánh Tuyên (chết) và bà Quách Tuyết Hoa, có chồng và 01 con sinh năm 2017; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm: 1938; địa chỉ: 38 đường L, Phường M, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thế Phong – Luật sư của Công ty Luật TNHH A.B.C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Xuân A cùng chồng là Nguyễn Việt Thường sinh sống tại nhà 38A L, Phường M, Quận 11, liền kề, chung vách với nhà bà Nguyễn Kim L (là cô chồng của A) số 38 L, 02 nhà chung khuôn viên và có đường đi thông trước, sau nhà. Bà L

nói có tài sản là tiền USD, vàng do người em ruột chết để lại và sẽ cho vợ chồng A phần tài sản này để nuôi con. Hàng ngày A qua nhà chăm sóc bà L biết bà L cất chìa khóa phòng ngủ tại hộc tủ bàn thờ trong phòng khách. Ngày 25/12/2017, thấy bà L không có ở nhà, A đi sang nhà bà L, lấy chìa khóa phòng, mở cửa đi vào phòng ngủ của bà L. Thấy 01 tủ gỗ không khóa, A mở tủ tìm thì thấy chìa khóa tủ kệ bên đé trong cA bóp. A lấy chìa khóa mở được tủ gỗ kệ bên thì thấy có nhiều miếng vàng SJC để trong bóp và nhiều tiền USD để trong túi ny long. Do lớn tuổi mới sinh con nên A bị trầm cảm, suy nghĩ lệch lạc, A nảy sinh ý định lấy tài sản, A lấy 02 miếng vàng SJC, khóa tủ, bỏ lại chìa khóa vào chỗ cũ, khóa cửa phòng để chìa khóa vào vị trí ban đầu rồi về nhà cất giấu tài sản chiếm đoạt được. Bằng cách thức trên, trong thời gian từ ngày 25/12/2017 đến ngày 25/2/2018, A nhiều lần chiếm đoạt tài sản của bà L (không nhớ cụ thể số lần), trong đó có những lần lấy vàng cùng USD, có những lần chỉ lấy USD. Mỗi lần lấy 02 miếng vàng, mỗi miếng 01 lượng vàng hoặc lấy tiền USD từ 03-04 tờ tiền mệnh giá 100 USD, A không nhớ ngày cụ thể do thời gian xảy ra đã lâu (A chỉ nhớ ngày 25/12/2017 lấy 02 lượng vàng SJC, 400 USD và ngày 25/02/2018 lấy 400 USD). Sau đó, A đem những tài sản sau nhiều lần lấy được bán tại các tiệm vàng ở đường Cách Mạng Tháng 8 và Quận 6 (A khai do không biết đường nên không nhớ được các tiệm vàng). Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 không thu hồi được tài sản mà A đã bán. Tổng số tài sản A chiếm đoạt gồm: 10 miếng vàng SJC (mỗi miếng 01 lượng) A bán được 370.000.000 đồng; 4.000 USD, A bán được 80.000.000 đồng. Số tiền có được từ việc bán tài sản chiếm đoạt là 450.000.000 đồng, A cất giữ tiền trong tủ tại phòng ngủ nhà số 38A Lữ Gia, Phường 15, Quận 11 và sử dụng tiêu xài. Đến tháng 6/2020, số tiền còn lại 300.000.000 đồng, A đem gửi sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, sau đó rút 50.000.000 đồng tiêu xài. Đến ngày 19/8/2021, A tiếp tục rút 50.000.000 đồng tiêu xài hết 30.000.000 đồng còn lại 20.000.000 đồng cất trong tủ tại phòng ngủ. Số tiền 200.000.000 đồng gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông còn lại, A chia làm 02 sổ tiết kiệm mỗi sổ 100.000.000 đồng. Khi cất giữ tài sản, tiền trong nhà và gửi tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, chồng của A là anh Thường không biết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐGTS ngày 04/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận 11 kết luận: “10 (mười) lượng vàng SJC trị giá 364.500.000 đồng; 4.000 (bốn ngàn) Đô la Mỹ (USD) trị giá 89.544.000 đồng”. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là: 454.044.000 đồng.

Tiến hành khám xét nơi ở Trương Xuân A tại nhà số 38A Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an 11 thu giữ:

- Tiền Việt Nam: 20.000.000 đồng;
- 02 sổ tiết kiệm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, mỗi thẻ có 100.000.000 đồng. Số tiền có trong 02 sổ tiết kiệm này có được từ việc Trương Xuân A đã chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Kim L và mang đi bán rồi gửi vào sổ tiết kiệm ngân hàng.
- 01 sổ tiết kiệm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn mở vào ngày 1/3/2021 với số tiền 160.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn mở vào ngày 26/3/2021 với số tiền 50.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á mở vào ngày 5/5/2020 với số tiền

50.000.000 đồng; 01 chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng Bản Việt mở vào ngày 22/1/2020 với số tiền 100.000.000 đồng. Trương Xuân A khai nhận số tiền trong tài khoản này do chồng là Nguyễn Việt Thường cho, lời khai của A phù hợp với lời khai anh Thường.

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tất cả ghi tên Trương Xuân Ai.

Bản Cáo trạng số 87/CT-VKS ngày 25 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã truy tố bị cáo Trương Xuân A tội danh “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đã xem xét toàn diện vụ án. Đây là trường hợp phạm tội đặc biệt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chủ động khắc phục toàn bộ hậu quả; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thể hiện qua việc bị cáo chăm sóc cho bị hại; thời gian phạm tội bị cáo đang nuôi con nhỏ; bị hại đã nhiều lần xin bãi nại cho bị cáo, bị cáo là người chăm lo, chăm sóc cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.... Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án dưới khung không quá 03 năm và cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ để bị cáo nhận thức, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt mà không cần phải áp dụng chế tài giam giữ. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không chỉ thể hiện tính nhân đạo cho bị cáo mà còn cho những người mà bị cáo đang chăm sóc, nuôi dưỡng (bị hại, cha chồng và con của bị cáo).

Bị hại, bà L trình bày: Bị cáo là cháu dâu của bà, bị cáo đã ở chung và chăm sóc cho bà hơn 06 năm nay nay do bà có nhiều bệnh của người già đi lại rất khó khăn cần có người giúp đỡ. Số tài sản của bà, bà cũng để lại cho vợ chồng bị cáo khi bà chết đi. Bị cáo do tâm lý bị trầm cảm sau khi sinh con nhỏ, nhận thức sai lầm mà phạm tội. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo thể hiện việc hối lỗi, hoàn trả cho bà toàn bộ tài sản đã lấy và vẫn tiếp tục chăm sóc cho bà cũng như cha chồng của bị cáo gần 85 tuổi đi lại khó khăn. Bà L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện sửa đổi bản thân cũng như tạo điều kiện cho bà, cha chồng của bị cáo và con của bị cáo có người chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tang vật thu giữ được. Do đó, có đủ cơ

sở để xác định:

Từ ngày 25/12/2017 đến ngày 25/02/2018 tại nhà số 38 đường Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, bị cáo Trương Xuân A đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 454.044.000 đồng của bà Nguyễn Kim L.

Bị cáo nhận thức rõ được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì do lớn tuổi mới sinh con, bị cáo bị trầm cảm và do áp lực cuộc sống gia đình, phải nuôi con nhỏ nên bị cáo đã có suy nghĩ lệch lạc và thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo lần đầu phạm tội, phạm tội do nhận thức còn hạn chế vì bị cáo 40 tuổi mới sinh con nên tâm lý của bị cáo bị trầm cảm, chồng bị cáo làm bảo vệ nên không thường xuyên ở nhà, đồng thời một mình bị cáo phải chăm sóc cho bị hại và cha chồng (hơn 80 tuổi), bị cáo nghĩ tài sản của bị hại sau này sẽ cho bị cáo nên có suy nghĩ lệch lạc mà chiếm đoạt, bị hại đã nhiều lần có đơn bãi nại cho bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần và phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên nên áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên” được quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo phạm tội nhiều lần, và những lần phạm tội từ nghiêm trọng trở lên. Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị Quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự thì bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo. Tuy nhiên xét thấy trong vụ án này bị cáo là cháu dâu của bị hại; bị hại không có chồng, con và được bị cáo trực tiếp chăm sóc hơn 06 năm nay. Sau khi phạm tội bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục toàn bộ thiệt hại cũng như vẫn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng bị hại. Bị hại đã nhiều lần có đơn cũng như tại phiên tòa đã tha thiết đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt khi lượng hình và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo. Việc không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Thời gian thử thách của án treo cũng đủ để bị cáo nhận thức sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt và cũng tạo điều kiện để bị cáo tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng bị hại, cha chồng và con của bị cáo.

Do đó, việc Người bào chữa, bị hại và đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo hưởng mức án dưới khung và cho bị cáo hưởng án treo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Số tiền 20.000.000 đồng đã trả cho bị hại và toàn bộ Số tiết kiệm thu giữ đã trả cho bị cáo. Việc giao trả này là đúng theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu ghi âm, ghi hình lời khai Trương Xuân A đã lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà Nguyễn Kim L, bà L có đơn bãi nại cho bị cáo và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 50; điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Trương Xuân A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Xuân A 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án 10/02/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- UBND P.15, Q.11, TP.HCM
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ánh Loan